

Số: /ĐHCT-ĐT Cần Thơ, ngày tháng 5 năm 2025
V/v xóa các lớp học phần có sĩ số không đủ
mở lớp học kỳ 3, năm học 2024-2025 (đợt 2)

Kính gửi:

- Lãnh đạo các đơn vị;
- Giảng viên;
- Cố vấn học tập các lớp;
- Sinh viên trong toàn trường.

Hiện nay, công tác đăng ký học phần đợt 2 (đợt cuối) học kỳ 3, năm học 2024-2025 đã kết thúc. Qua rà soát, một số lớp học phần có số lượng sinh viên đăng ký không đủ điều kiện mở lớp theo quy định của công tác học vụ, Trường thông báo như sau:

- Xóa các lớp học phần có sĩ số đăng ký không đủ điều kiện mở lớp (**danh sách đính kèm**).
- Sinh viên đăng ký vào các lớp học phần thông báo xóa, nếu có nhu cầu chuyển đổi sang các lớp học phần khác phải liên hệ Phòng Đào tạo (email: nhdnhan@ctu.edu.vn) để được hỗ trợ từ ngày ra thông báo đến hết ngày **23/5/2025**. Sau thời gian này, Trường sẽ chính thức xóa kết quả đăng ký của sinh viên.

Đề nghị lãnh đạo các đơn vị phổ biến nội dung công văn này đến toàn thể giảng viên, cố vấn học tập và sinh viên biết để triển khai thực hiện đúng quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGH (để báo cáo);
- Website: Trường, PĐT;
- Lưu: VT, PĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hiếu Trung

**DANH SÁCH LỚP HỌC PHẦN XÓA LỚP
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2024-2025 (ĐỢT 2)**

(Đính kèm CV số: /DHCT-ĐT, ngày /05/2025, V/v xóa các lớp học phần có sĩ số không đủ mở lớp)

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Ký hiệu	Mã số CBGD	Họ và tên CBGD
1	CN135	Vận trù học	2	01	02874	Nguyễn Công Khải
2	CN332	Tin học ứng dụng - Kỹ thuật 2	2	01	00504	Hồ Ngọc Tri Tân
3	CN460	Nền móng công trình - CD	2	01	01808	Phạm Hữu Hà Giang
4	CN488E	Tin học ứng dụng - CNHH	2	01	02714	Thiều Quang Quốc Việt
5	CN548	Đo lường và thiết kế công việc	3	01	02698	Võ Trần Thị Bích Châu
6	CS112	Vi sinh học đại cương	3	01	02819	Trần Thị Giang
7	CT094	Quy trình sáng tạo SP đa phương tiện	3	01	01455	Trần Hoàng Việt
8	CT168	TT. Mạch số	1	04	02129	Nguyễn Thị Trâm
9	CT210	Thị giác máy tính	3	01	02640	Phạm Nguyên Hoàng
10	CT262	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	3	01	01531	Trương Quốc Định
11	CT298	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	3	01	02226	Trần Nguyễn Minh Thái
12	CT452	Thực tập thực tế - TT&MMT	2	01	01230	Phan Thượng Cang
13	CT458	Thực tập doanh nghiệp - KTPM	5	01	01069	Võ Huỳnh Trâm
14	CT492	Niên luận an toàn thông tin	3	04	02480	Trần Thị Tố Quyên
15	CT551	Luận văn tốt nghiệp - HTTT	15	08	02883	Mai Thị Cẩm Nhung
16	FL215	Kỹ năng thuyết trình	2	01	01465	Trần Mai Hiền
17	KC131	Toán ứng dụng - QLCN	3	01	02373	Nguyễn Văn Cẩn
18	KC143	Truyền vận	3	01	02714	Thiều Quang Quốc Việt
19	KC367	Thiết kế nhà máy điện và trạm biến áp	3	01	01574	Nguyễn Đăng Khoa
20	KC376	TT. Viễn Thông 2	1	01	01942	Nguyễn Thanh Tùng
21	KC414	Quản lý thu mua	3	01	02698	Võ Trần Thị Bích Châu
22	KC442	Đồ án công trình thương mại	2	01	02936	Nguyễn Châu Hoàng Huy
23	KC485	Máy điện và truyền động điện ô tô	2	01	01703	Nguyễn Hữu Cường
24	KL207	PL về quan hệ hôn nhân và quan hệ gia đình	3	01	02285	Trần Khắc Qui
25	KL210	PL về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	H01	02405	Châu Hoàng Thân
26	KL233E	Học thuyết pháp lý	2	H01	01699	Huỳnh Thị Sinh Hiền
27	KT118	Kinh tế học hành vi	3	01	02600	Cao Minh Tuấn
28	KT125	Lý thuyết và chính sách thương mại	3	01	02220	Nguyễn Xuân Vinh
29	KT187E	Nguyên lý bảo hiểm	2	01	02278	Khuru Thị Phương Đông
30	KT459	Nghệp vụ ngân hàng cá nhân	3	01	00565	Thái Văn Đại
31	KT467	Quản lý nông trại	2	01	01988	Huỳnh Thị Đan Xuân
32	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	M02	02332	Đồng Thị Kim Xuyến
33	MT091	Phân tích dữ liệu không gian	2	01	01289	Nguyễn Thị Hồng Điệp
34	MT196	GP phi CT cho cấp thoát nước bền vững	2	01	02645	Võ Quốc Thành
35	MT239	Chuyển hóa và lan truyền ô nhiễm	2	01	01299	Phạm Văn Toàn
36	MT418E	PP NCKH tài nguyên và môi trường	2	01	00403	Dương Trí Dũng
37	NN107	Thức ăn gia súc	2	01	02701	Nguyễn Thị Ngọc Linh
38	NN217	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm sữa	2	01	02362	Phan Nguyễn Trang
39	NN317	Nuôi động vật thí nghiệm	2	01	02429	Nguyễn Hồ Bảo Trân
40	NN358	Bảo quản sau thu hoạch	2	01	02412	Bùi Thị Cẩm Hương
41	NN435	Côn trùng trong kho vựa	2	01	02801	Trịnh Thị Xuân
42	NS227E	Bảo vệ thực vật trong canh tác hữu cơ	2	01	02868	Hồ Lệ Thi

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Ký hiệu	Mã số CBGD	Họ và tên CBGD
43	NS238	Côn trùng gây hại sau thu hoạch	2	01	02801	Trịnh Thị Xuân
44	NS407	ánh sáng nhân tạo UD trong nông nghiệp	2	02	02858	Phan Ngọc Nhí
45	SG309	Tập giảng Địa lý	2	01	02616	Nguyễn Thị Ngọc Phúc
46	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán	2	01	03088	Trần Thủ Lễ
47	TC028	Bóng rổ 1 (*)	1	02	02136	Nguyễn Thanh Liêm
48	TN484	Thiết kế thí nghiệm trong kinh tế	2	01	02606	Dương Thị Bé Ba
49	TN488	Chuyên đề xác suất ứng dụng	2	01	02084	Lâm Hoàng Chương
50	TN525	TT. Kỹ thuật kiểm nghiệm	1	01		
51	TS153	Hình thái và phân loại tôm, cá	3	01	02735	Trần Xuân Lợi
52	TS370	Máy và thiết bị lạnh	2	01	00352	Nguyễn Văn Mười
53	TS411	Quy hoạch phát triển thủy sản	2	02	02425	Trần Văn Việt
54	TS432	Marketing thủy sản	2	01	02331	Nguyễn Thị Kim Quyên
55	TV249	Tiếng Pháp Du lịch-khách sạn 2	2	01	01614	Nguyễn Thắng Cảnh
56	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	06	01328	Bùi Thị Thúy Minh
57	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	H02	02442	Võ Hồng Dũng
58	XH446	Tổ chức sự kiện	2	01	02534	Lê Hồng Cẩm
59	XN243	Kịch bản truyền thông	2	01	01607	Bùi Thanh Thảo

Danh sách có: **59** lớp học phần.